

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

Số: 80 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Uông Bí, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc tổ chức lại các phòng chuyên môn (Thanh tra, Phòng Nội vụ)  
trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 09**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Thực hiện Quyết định số 755-QĐ/TU ngày 18/8/2022 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về việc sắp xếp lại một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/3/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Thông báo số 881-TB/TU ngày 10/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Uông Bí về "Trích Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về việc tổ chức lại các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy, các phòng chuyên môn thuộc UBND Thành phố theo Quyết định số 755-QĐ/TU ngày 18/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Xét Tờ trình số 425/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí; Báo cáo thẩm tra số 480/BC-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Ban Pháp chế HĐND thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định tổ chức lại Thanh tra thành phố trên cơ sở tách ra từ Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra thành phố và Phòng Nội vụ thành phố trên cơ sở tách ra từ Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố. Sau khi tổ chức lại, tổng số các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí là 12



đơn vị, phù hợp theo quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cụ thể như sau:

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
3. Phòng Giáo dục và Đào tạo;
4. Phòng Tài nguyên và Môi trường;
5. Phòng Quản lý đô thị;
6. Phòng Kinh tế;
7. Phòng Tư pháp;
8. Phòng Tài chính - Kế hoạch;
9. Phòng Văn hoá và Thông tin;
10. Phòng Y tế;
11. Phòng Nội vụ (tái thành lập);
12. Thanh tra (tái thành lập).

**Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và các nội dung liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Ủy ban Giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí khoá XX, Kỳ họp thứ 09 thông qua ngày 14/11/2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- TT Thành ủy, HĐND, UBND TP;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH TP;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nghiêm Xuân Cường**



Số: 82 /NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chỉnh trang đô thị năm 2022 của Thành phố

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
KHÓA XX – KỲ HỌP THỨ 09**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2022”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/5/2022 của HĐND thành phố Uông Bí “Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình và điều chỉnh kế hoạch phân bổ sử dụng vốn chỉnh trang đô thị năm 2022”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 24/9/2022 của HĐND thành phố Uông Bí “Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022”;*

*Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 418/TTr-UBND ngày 10/11/2022 “Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chỉnh trang đô thị năm 2022 của thành phố”; Báo cáo thẩm tra số 474/BC-HĐND ngày 12/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chỉnh trang đô thị năm 2022 của thành phố như sau:

**I. Về kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022**

**1. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản được phê duyệt tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 24/9/2022 của HĐND thành phố: 262.792,999 triệu đồng, trong đó: (1) Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022: 205.000 triệu**



đồng; (2) Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2021 chuyển sang: 3.507 triệu đồng; (3) Nguồn tăng thu ngân sách năm 2021: 26.153,999 triệu đồng; (4) Nguồn bảo vệ đất trồng lúa năm 2021 chuyển sang: 3.246 triệu đồng; (5) Nguồn cân đối chi thường xuyên sang chi đầu tư: 4.000 triệu đồng; (6) Nguồn thu phí thăm quan khu Di tích danh thắng Yên Tử: 4.500 triệu đồng; (7) Nguồn dự phòng ngân sách: 16.386 triệu đồng.

## **2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung**

### **2.1. Bổ sung và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư: 10.500 triệu đồng, gồm:**

- Bổ sung 4.500 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp giáo dục năm 2022 và phân bổ cho 03 dự án phục vụ giáo dục, cụ thể:

(1) Dự án Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng): 750 triệu đồng; kế hoạch vốn sau bổ sung: 3.250 triệu đồng.

(2) Dự án Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí: 2.500 triệu đồng; kế hoạch vốn sau bổ sung: 7.500 triệu đồng.

(3) Dự án Trường tiểu học Trung Vương, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí (mở rộng): 1.250 triệu đồng; kế hoạch vốn sau bổ sung: 4.750 triệu đồng.

- Bổ sung 6.000 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế và y tế năm 2022 và phân bổ cho 03 công trình khởi công mới năm 2022, cụ thể:

(1) Tuyến đường xóm giữa đầu nối từ Quốc lộ 18A sang Quốc lộ 10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bí Trung 1, phường Phương Đông: 1.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau bổ sung: 5.000 triệu đồng.

(2) Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí: 3.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau bổ sung: 7.000 triệu đồng.

(3) Chính trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú: 2.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau bổ sung: 7.500 triệu đồng.

### **2.2. Điều chỉnh giảm nguồn tăng thu ngân sách năm 2021 chuyển sang**

- Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách năm 2021 được phê duyệt tại nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 24/9/2022 của HĐND thành phố Uông Bí: 26.153,999986 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm 146,999986 triệu đồng; Lí do điều chỉnh: do điều chỉnh giảm số thực hiện thu ngân sách Thành phố năm 2021.

- Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách năm 2021 sau điều chỉnh: 26.007,0 triệu đồng.

### **2.3. Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2022: 17.226,721 triệu đồng, trong đó:**

a) Điều hòa giảm kế hoạch vốn 17.226,721 triệu đồng của 18 công trình chưa có nhu cầu vốn trong năm 2022, trong đó:



- Công trình đã được phê duyệt quyết toán còn thừa kế hoạch vốn: 15 công trình với tổng kế hoạch vốn: 728,295 triệu đồng, trong đó:

(1) Công trình do BQLDA đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư: 02 công trình với tổng kế hoạch vốn: 602,781 triệu đồng.

(2) Công trình đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Ông Bí ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông do Trung tâm truyền thông văn hóa thành phố làm chủ đầu tư: 2,275 triệu đồng.

(3) Công trình do UBND các xã, phường làm chủ đầu tư: 12 công trình với tổng kế hoạch vốn 123,239 triệu đồng.

- Công trình chưa có nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2022: 04 công trình với tổng kế hoạch vốn: 16.498,426 triệu đồng, cụ thể:

(1) Khu Tái định cư phía Tây ngã 3 Cầu Sến tại phường Phương Đông, thành phố Ông Bí: 678,35 triệu đồng.

(2) Khu Tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Ông Bí: 3.398,088 triệu đồng.

(3) Hoàn trả vốn Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng đường sắt Phả Lại - Hạ Long đoạn qua địa phận thành phố Ông Bí (Giai đoạn 1): 1.363,89 triệu đồng (đã hoàn trả xong còn thừa kế hoạch vốn).

(4) Hoàn trả tiền sử dụng đất và giải phóng mặt bằng dự án khu biệt thự Sông Ông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Ông Bí: 11.058,098 triệu đồng.

b) Điều hòa tăng kế hoạch vốn 17.226,721 triệu đồng cho 07 công trình có nhu cầu vốn, cụ thể:

- Công trình đã được phê duyệt quyết toán còn thiếu kế hoạch vốn: 02 công trình với tổng kế hoạch vốn: 143,112 triệu đồng, trong đó:

(1) Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 17-18 khu Bí Giàng (đoạn từ nhà ông Phạm Văn Nghĩa đến nhà ông Trần Đình Hùng) phường Yên Thanh, thành phố Ông Bí do UBND phường Yên Thanh làm chủ đầu tư đã phê duyệt quyết toán còn thiếu kế hoạch vốn: 97,791 triệu đồng.

(2) Đường bê tông, rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến nhà ông Đại khu Đền Công 2 phường Trung Vương do UBND phường Trung Vương làm Chủ đầu tư đã phê duyệt quyết toán còn thiếu kế hoạch vốn: 45,321 triệu đồng.

- Công trình có nhu cầu kế hoạch vốn thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ GPMB và thực hiện dự án: 05 công trình với kế hoạch vốn: 17.083,609 triệu đồng, cụ thể:

(1) Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối tuyến đường tránh phía Nam thành phố theo quy hoạch: 1.363,89 triệu đồng.

(2) Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài (Giai đoạn 2): 21,952 triệu đồng.



(3) Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và Khu xen cư tại khu Tân lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí: 3,378 triệu đồng.

(4) Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí: 15.454,389 triệu đồng.

(5) Xây dựng Trụ sở công an xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí: 240,0 triệu đồng.

*(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)*

**3. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản sau điều chỉnh:** 273.146 triệu đồng, trong đó: (1) Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022: 205.000 triệu đồng; (2) Nguồn cân đối chi thường xuyên sang chi đầu tư: 14.500 triệu đồng; (3) Nguồn thu phí thăm quan DLTC khu Di tích Yên Tử: 4.500 triệu đồng; (4) Nguồn tăng thu ngân sách năm 2021: 26.007 triệu đồng; (5) Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2021 chuyển sang: 3.507 triệu đồng; (6) Nguồn bảo vệ đất trồng lúa năm 2021 chuyển sang: 3.246 triệu đồng và (7) Nguồn dự phòng ngân sách: 16.386 triệu đồng.

*(Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)*

**II. Điều hòa kế hoạch vốn chính trang đô thị năm 2022 của thành phố: 13.604,646 triệu đồng, trong đó:**

1. Điều hòa giảm kế hoạch vốn 13.604,646 triệu đồng của 04 công trình chưa có nhu cầu vốn, cụ thể:

(1) Công trình đã được phê duyệt quyết toán còn thừa kế hoạch vốn: 02 công trình với tổng kế hoạch vốn: 32,745 triệu đồng.

(2) Công trình chỉnh trang tuyến đường Lụng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lụng Xanh, thành phố Uông Bí chưa có nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2022: 13.371,901 triệu đồng.

(3) Công trình Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí: 200 triệu đồng do đã sử dụng nguồn kết dư ngân sách thực hiện.

2. Điều hòa tăng kế hoạch vốn 13.604,646 triệu đồng cho 07 công trình có nhu cầu vốn, cụ thể:

- Công trình Chỉnh trang tuyến phố Nguyễn Du đoạn từ ngã 4 đến Quảng Trường 25-2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí do BQLDA đầu tư xây dựng làm Chủ đầu tư đã phê duyệt quyết toán còn thiếu kế hoạch vốn: 552,118 triệu đồng.

- Công trình đã hoàn thành có nhu cầu vốn thanh toán khối lượng: 10.052,528 triệu đồng cho 03 công trình, trong đó:

(1) Chỉnh trang tuyến đường hai bên kênh nước nóng Nhà máy điện đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Quyết Tiến, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí do BQLDA đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư: 1.800 triệu đồng.



(2) Công trình Thảm Alphan và điện chiếu sáng các tuyến đường nội thị có mặt đường từ 4,5m trở lên địa bàn thành phố Uông Bí do BQLDA đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư: 7.752 triệu đồng.

(3) Công trình Xây dựng vỉa hè khu dân cư khu 5A, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí do UBND phường Quang Trung làm chủ đầu tư: 500,528 triệu đồng.

- Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2022 có nhu cầu vốn thực hiện: 3.000 triệu đồng cho 03 công trình, trong đó:

(1) Quy hoạch phân khu C thành phố Uông Bí do phòng Quản lý đô thị làm chủ đầu tư: 1.500 triệu đồng.

(2) Quy hoạch phân khu A thành phố Uông Bí do phòng Quản lý đô thị làm chủ đầu tư: 1.000 triệu đồng.

(3) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu F thành phố Uông Bí do phòng Quản lý đô thị làm chủ đầu tư: 500 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu số 03 kèm theo)

## **Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:**

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu; quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư dự án, đảm bảo việc sử dụng vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ và có giải pháp kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đưa dự án công trình vào sử dụng đúng tiến độ nhằm phát huy hiệu quả sau đầu tư. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

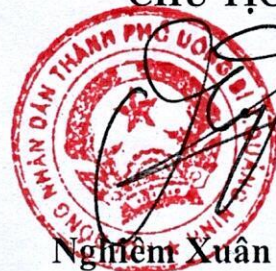
2. Thường trực, các Ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND Thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 09 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Cường**



**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022**  
(Kèm theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình		Quyết định phê duyệt		Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022					Điều hòa kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 sau điều chỉnh					Chi chủ									
		Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Trong đó				Điều chỉnh nguồn tăng thu	Tiền sử dụng đất	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tổng cộng	Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Tiền sử dụng đất		Trong đó			Chi chủ					
							Phi Yên Tử, nguồn bảo vệ đất trồng lúa	Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi đầu tư												Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi đầu tư		Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi đầu tư
A	B	C	1	2	3	4=5+6	5	6=7+8+9+10+11	7	8	9	10	11	12a	12	13	14	15	16	17=18+19	18	19=20+21+22	20	21	22	23	24	25		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	30			935.885	147.716	0	147.716	118.466	0	1.096	8.161	10.500	147	15.862.831	15.862.831	1.363.890	1.363.890	1.363.890	1.363.890	158.069	112.966	2.607	2.607	2.607	9.378	9.378			
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	2			18.271	3.210	0	3.210	3.210	0	0	0	10.500			0,000	602,781	0,000	0,000	0,000	2.607	2.607	2.607							
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	2			18.271	3.210	0	3.210	3.210	0	0	0	10.500			0,000	602,781	0,000	0,000	0,000	2.607	2.607	2.607							
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan Thành ủy thành phố Uông Bí	1	7921	28/10/2019	14.836	1.629	0	1.629	1.629	0	0	0	1.031			598,262					1.031	1.031	1.031						CT đã PDQT Hàng mục CT	
2	Xây dựng tuyến đường gom Quốc lộ 18A đoạn từ phố Hòa Bình đến phố Yên Thành, thành phố Uông Bí	1	6978	30/10/2018	3.435	1.581	0	1.581	1.581	0	0	0	1.031			4.519					1.576	1.576	1.576						CT đã PDQT	
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2022	6			654.387	23.905	0	23.905	15.744	0	0	8.161	0	147.000	147.000	25.330	4.078.713	1.363.890	0,000	0,000	21.068	20.603	11.690			9.378	9.378			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	5			652.687	23.437	0	23.437	15.276	0	0	8.161	0	147.000	147.000	25.330	4.076.438	1.363.890	0,000	0,000	20.603	20.603	11.225			9.378	9.378			
1	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối tuyến đường tránh phía nam thành phố theo quy hoạch	1	7018	31/10/2018	250.000	10.661	0	10.661	2.500	0	0	8.161	0	146.999.866	146.999.866						11.878	11.878	2.500			9.378	9.378			
2	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài (Giai đoạn 2)	1	391	03/02/2021	150.000	0	0	0	0	0	0	0	0			21,952					22	22	22						Nhu cầu GPMB	
3	Khu Tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thành, thành phố Uông Bí	1	3896/ 595/ 06/02/2013; 6918/ 24/11/2017		84.187	5.000	5.000	5.000	5.000	0	0	0	0			678,350					4.322	4.322	4.322			0	0	0	0	CT thực hiện đầu tư theo đúng quy định
4	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/5000 Nhà văn hóa, trường mầm non và Khu xen cư tại khu Tân lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	308	28/01/2021	23.500	1.000	1.000	1.000	1.000	0	0	0	0			3,378					1.003	1.003	1.003			0	0	0	0	KP GPMB 3.378m <sup>2</sup>
	<b>Cơ sở hạ tầng phát triển quy định</b>				145.000	6.776	6.776	6.776	6.776	0	0	0	0			0,000	3.398,088	0,000	0,000	0,000	3.378	3.378	3.378							
1	Khu Tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thành, thành phố Uông Bí	1	1095	22/12/2020	145.000	6.776	6.776	6.776	6.776	0	0	0	0			3.398,088					3.378	3.378	3.378							CT đã PDQT và Hát toàn
II	Trung tâm truyền thông văn hóa thành phố	1			1.700	467	467	467	467	0	0	0	0			2,275					465	465	465							
1	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Uông Bí ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	1	1088	22/12/2020	1.700	467	467	467	467	0	0	0	0			2,275					465	465	465							
C	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2022	20			248.198	82.132	82.132	82.132	79.036	0	1.096	500	8.500	15.837.501	15.837.501	115.492					106.354	106.354	94.758			946	946			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	7			239.489	75.000	75.000	75.000	72.500	0	0	0	8.500	15.691.389	15.691.389						99.194	99.194	88.194			500	500			
1	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 1 và lộ 2, khu B1 Trung 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	10903	13/12/2021	190.000	51.000	51.000	51.000	48.500	2.000	0	0	0			15.454,389					66.454	66.454	63.954			500	500			NS TP bù trừ theo biểu công tác CBĐT và GPMB
2	Tuyến đường xóm giữa đầu nối từ QL18A sang QL150 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu B1 Trung 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	10833	13/12/2021	6.277	4.000	4.000	4.000	4.000	0	0	0	1.000								5.000	5.000	4.000			0	0	0		
3	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	10834	13/12/2021	4.000	2.500	2.500	2.500	2.500	0	0	0	750								3.250	3.250	2.500			0	0	0		
4	Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	10835	13/12/2021	9.703	5.000	5.000	5.000	5.000	0	0	0	2.500								7.500	7.500	5.000			0	0	0		
5	Trường tiểu học Trung Vương, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	10836	13/12/2021	5.945	3.500	3.500	3.500	3.500	0	0	0	1.250								4.750	4.750	3.500			0	0	0		







**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND thành phố Vũng Bì)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2021				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 sau điều chỉnh					Ghi chú								
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó			Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Tồn dư đọng đất	Trong đó			Nguồn dự phòng ngân sách						
										NS TW, Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS TW, Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường				Phi Yên Tử, nguồn bảo vệ đất trồng lúa		Nguồn chi thường xuyên sang chi đầu tư		Nguồn chi đầu tư					
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=18+19	18	19=20+21+22+23+24	20	21	22	23	24	25			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>98</b>						<b>2.137.222</b>	<b>2.137.222</b>	<b>685.347</b>	<b>1.451.875</b>		<b>1.035.989</b>	<b>1.035.989</b>		<b>360.839</b>	<b>675.150</b>		<b>402.259</b>	<b>129.113</b>	<b>273.146</b>	<b>208.507</b>	<b>14.500</b>	<b>7.746</b>	<b>26.007</b>	<b>16.386</b>				
A	<b>CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH</b>	<b>9</b>						<b>309.497</b>	<b>309.497</b>	<b>100.000</b>	<b>209.497</b>		<b>262.531</b>	<b>262.531</b>		<b>100.000</b>	<b>162.531</b>		<b>22.549</b>		<b>19.549</b>	<b>3.000</b>				<b>0</b>				
I	<b>BQLDA Đầu tư xây dựng</b>	<b>9</b>						<b>309.497</b>	<b>309.497</b>	<b>100.000</b>	<b>209.497</b>		<b>262.531</b>	<b>262.531</b>		<b>100.000</b>	<b>162.531</b>		<b>22.549</b>		<b>19.549</b>	<b>3.000</b>				<b>0</b>				
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở quan Thành ủy thành phố Vũng Bì	1	7804776	799	341	7921	28/10/2019	14.836	14.836	100.000	14.836		12.835	12.835		100.000	162.531		1.031		1.030.859	0	0	0	0	0	0	0	CT dự PD QT hàng mục CT	
2	Xây dựng tuyến đường gom Quốc lộ 18A đoạn từ phố Hòa Bình đến phố Yên Thành, thành phố Vũng Bì	1	7747084	799	292	6978	30/10/2018	3.435	3.435		3.435		1.603	1.603					1.576		1.576	1.576	0	0	0	0	0	0	CT dự PD QT	
3	Đường GT liên phường Trung Vương - Bắc Sơn, đoạn từ đập tràn nhà máy điện Vũng Bì đến khu 12 khe (Đoạn từ cầu Hải Thành đến đập tràn liên hợp (đập nhà Ông Phò) khu 12 khe)	1	7613388	799	292	4963	26/10/2012; 16/01/2020	18.345	18.345		18.345		13.932	13.932					1.500		1.500	1.500	0	0	0	0	0	0	Bỏ trị KH bằng 90% TMDT	
4	Trường Mầm Non Phương Đông, phường Phương Đông, thành phố Vũng Bì (điểm trường Khu Tân Lập)	1	7810980	799	071	8855	30/10/2019	27.868	27.868		27.868		21.000	21.000					4.065		4.065	4.064.827	0	0	0	0	0	0	0	CT dự PD QT
5	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm sự kiện Bắc Hồ về thăm Vũng Bì năm 1965 phường Trung Vương, thành phố Vũng Bì	1	7833511	799	161	3709	26/6/2020	19.500	19.500		19.500		17.000	17.000					1.803		1.803	1.802.530	0	0	0	0	0	0	0	CT dự PD QT
6	Công trình: Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thềm asphalt khu dân cư hiện trạng	1	7810984	799	312	8858	30/10/2019	10.000	10.000		10.000		4.000	4.000									0	0	0	0	0	0	CT thực hiện đến 0 điểm đồng kỳ thuế	
7	Xây dựng trụ sở mới phường Nam Khê, thành phố Vũng Bì thuộc dự án Khu trung tâm Hành chính - Chính trị phường Nam Khê, thị xã Vũng Bì	1	7814185	799	341	8864	30/10/2019	34.348	34.348		34.348		24.939	24.939					8.174		8.174	8.174.490	0	0	0	0	0	0	0	CT dự PD QT
8	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố	1	7855957	799	341	7453a	26/10/2019	9.000	9.000		9.000		6.390	6.390					1.400		1.400	1.400	0	0	0	0	0	0	0	Bỏ trị KH bằng 90% TMDT
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đốc độ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Vũng Bì	1	7747075	799	292	7042	31/10/2018	172.164	172.164	100.000	72.164		160.832	160.832		100.000	60.832		3.000		3.000	-	0	3.000	0	0	0	0	0	CT dự QT A-B với giá trị 171,96 tỷ đồng
B	<b>CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2022</b>	<b>18</b>						<b>1.295.813</b>	<b>1.295.813</b>	<b>455.347</b>	<b>840.465</b>		<b>766.343</b>	<b>766.343</b>		<b>260.839</b>	<b>505.504</b>		<b>195.380</b>	<b>129.113</b>	<b>66.267</b>	<b>53.889</b>	<b>2.000</b>	<b>1.000</b>	<b>9.378</b>	<b>0</b>				
I	<b>BQLDA Đầu tư xây dựng</b>	<b>14</b>						<b>781.545</b>	<b>781.545</b>	<b>0</b>	<b>781.545</b>		<b>480.672</b>	<b>480.672</b>					<b>62.026</b>		<b>62.026</b>	<b>50.648</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>9.378</b>	<b>0</b>				
1	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối tuyến đường tránh phía nam thành phố theo quy hoạch	1	7747074	799	292	7018	31/10/2018	250.000	250.000		250.000		202.030	202.030					11.878		11.878	2.500	0	0	9.378	0	0	0	0	
2	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài (Giải đoạn 2)	1	7807181	799	292	391	03/02/2021	150.000	150.000		150.000		102.809	102.809					22		22	22	0	0	0	0	0	0	KF GPMB 21,952ha	
3	Khu Tái định cư phía Tây ngã 3 Cầu Sên tại phường Phương Đông, thành phố Vũng Bì	1	7402777	799	312	3896;	11/10/2012; 06/02/2013; 6918	84.187	84.187		84.187		33.364	33.364					4.322		4.322	4.322	0	0	0	0	0	0	0	CT thực hiện đến 0 điểm đồng kỳ thuế



STT	Danh mục dự án	Số công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2021					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 sau điều chỉnh					Chi chủ						
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó			Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Trong đó				Tiền sử dụng đất	Nguồn cân đối chi thường xuyên sang chi đầu tư	Phi Yên Tử, nguồn bảo vệ đất trồng lúa	Nguồn dự phòng ngân sách	Nguồn tăng thu	Nguồn ngân sách
										NS TW, Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS TW	NS Tỉnh	NS Xã, phường							
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=18+19	18	19=20+21+22+23+24	20	21	22	23	24	25		
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Tân lập, phường Phương Đông đến đầu tuyến đường vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7887404	799	292	301	27/01/2021	9.500	9.500	9.500	9.500	5.719	5.719	5.719	5.719	5.719	5.719	5.719	17=18+19	2.770	2.770,010	2.770	0	0	0	0	0	CT QĐ A-B vốn giá trị: 8.498 tỷ đồng	
5	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và Khu xen cơ tại khu Tân Lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7891498	799	312	308	28/01/2021	23.500	23.500	23.500	23.500	9.120	9.120	9.120	9.120	9.120	9.120	9.120	1.003	1.003	1.003	0	0	0	0	0	0	KP GPMB 0 3,378rd	
6	Xây dựng nhà văn hóa khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7917327	799	161	7964	08/9/2021	3.785	3.785	3.785	3.785	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.996	1.996	1.996	1.996	1.996	0	0	0	0	0	CT QĐ PDQT
7	Nâng cấp, cải tạo đập tràn nối phường Quang Trung với phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7901608	799	312	2428	10/5/2021	7.966	7.966	7.966	7.966	3.801	3.801	3.801	3.801	3.801	3.801	3.801	3.463	3.463	3.463	3.463	3.463	0	0	0	0	0	CT QĐ A-B vốn giá trị: 7,264 tỷ đồng
8	Chính trang đường Trần Phú đoạn từ Quảng Trường 25/2 đến nút giao ngã tư Trần Phú - Lương Xanh, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7914781	799	312	4425	21/8/2021	21.500	21.500	21.500	21.500	7.343	7.343	7.343	7.343	7.343	7.343	7.343	10.000	10.000	10.000	8.000	2.000	0	0	0	0	0	Bổ hi KH dat 90%TMDT
	<b>Cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất</b>	<b>6</b>							<b>231.107</b>	<b>0</b>	<b>231.107</b>	<b>114.985</b>	<b>114.985</b>	<b>114.985</b>	<b>114.985</b>	<b>114.985</b>	<b>114.985</b>	<b>114.985</b>	<b>26.572</b>	<b>26.572</b>	<b>26.572</b>	<b>26.572</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Quy hoạch khu dân cư tổ 30 khu 8 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7747077	799	312	7036	31/10/2018	26.000	26.000	26.000	26.000	22.307	22.307	22.307	22.307	22.307	22.307	22.307	1.000	1.000	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	Bổ hi KH dat 90%TMDT
2	Khu Tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7752111	799	312	1095	22/12/2020	145.000	145.000	145.000	145.000	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	3.378	3.378	3.378	3.378	0	0	0	0	0	0	CT thực hiện đến 0 điểm công kỳ thanh
3	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7810982	799	312	8828	29/10/2019	19.094	19.094	19.094	19.094	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	3.500	3.500	3.500	3.500	0	0	0	0	0	0	Bổ hi KH dat 90%TMDT
4	Khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C, khu 12 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7810985	799	312	8822	28/10/2019	6.269	6.269	6.269	6.269	3.357	3.357	3.357	3.357	3.357	3.357	3.357	1.078	1.078	1.078	1.078	0	0	0	0	0	0	Bổ hi KH dat 90%TMDT
5	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7887403	799	312	8826	29/10/2019	31.276	31.276	31.276	31.276	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	16.112	16.112	16.112	16.112	0	0	0	0	0	0	Bổ hi KH dat 90%TMDT
6	Hạ tầng theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư xen cơ tại khu Nam Trung, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	7899035	799	312	2421	10/5/2021	3.468	3.468	3.468	3.468	1.221	1.221	1.221	1.221	1.221	1.221	1.221	1.504	1.504	1.504	1.504	0	0	0	0	0	0	CT QĐ A-B vốn giá trị: 2,725 tỷ đồng
II	<b>BQL Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử</b>	<b>1</b>							<b>26.220</b>	<b>1.000</b>	<b>25.220</b>	<b>6.182</b>	<b>6.182</b>	<b>6.182</b>	<b>6.182</b>	<b>6.182</b>	<b>6.182</b>	<b>6.182</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	Bổ hi KH HT HM đư. an
1	Chăm sóc, bảo tồn các cây Xích Tùng cổ tại Rừng quốc gia Yên Tử giai đoạn 2016-2020	1	7549737	799	161	4293	31/10/2017	26.220	26.220	26.220	26.220	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	Bổ hi KH HT HM đư. an
III	<b>Ban chỉ huy quản sự Thành phố</b>	<b>1</b>							<b>69.377</b>	<b>37.377</b>	<b>32.000</b>	<b>18.650</b>	<b>18.650</b>	<b>18.650</b>	<b>18.650</b>	<b>18.650</b>	<b>18.650</b>	<b>18.650</b>	<b>2.776</b>	<b>2.776</b>	<b>2.776</b>	<b>2.776</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	Bổ hi KH HT HM đư. an
1	Hỗ trợ đầu tư Cán cơ chiến đấu thành phố Uông Bí	1	7667740	760	011	6216	30/10/2017	69.377	69.377	69.377	69.377	1.700	1.700	1.700	1.700	1.700	1.700	1.700	465	465	465	465	0	0	0	0	0	0	CT QĐ PDQT và đư. toàn
IV	<b>Trung tâm truyền thông văn hóa thành phố</b>	<b>1</b>							<b>1.700</b>	<b>1.700</b>	<b>1.700</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>465</b>	<b>465</b>	<b>465</b>	<b>465</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	CT QĐ PDQT và đư. toàn
1	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Uông Bí ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	1	7912888	799	191	1088	22/12/2020	1.700	1.700	1.700	1.700	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	465	465	465	465	0	0	0	0	0	0	CT QĐ PDQT và đư. toàn
V	<b>Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố</b>	<b>1</b>							<b>416.970</b>	<b>416.970</b>	<b>416.970</b>	<b>259.839</b>	<b>259.839</b>	<b>259.839</b>	<b>259.839</b>	<b>259.839</b>	<b>259.839</b>	<b>259.839</b>	<b>129.113</b>	<b>129.113</b>	<b>129.113</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	



STT	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương trình	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2021				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 sau điều chỉnh					Chi chú							
					Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Trong đó		Giá trị khởi lượng	Tổng số	Trong đó			Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Trong đó				Tiền sử dụng đất	Ngân sách đối chi thường xuyên sang chi đầu tư	Phi Yên Tử, nguồn bảo vệ đất rừng lửa	Nguồn dự phòng ngân sách			
									NS TW, Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường								
A	C	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=18+19	18	19=20+21+22+23+24	20	21	22	23	24	25	
1	I	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	416.970	416.970	416.970			259.839	259.839					129.113	129.113		0	0	0	0	0	NS Tỉnh hỗ trợ 0 thực hiện công tác GPMB	
C	45							464.919	464.919	130.000	334.919								121.404	107.158	10.500	3.746						
I	17							431.894	431.894	130.000	301.894								102.694	91.694	10.500	500						
1	I	7918403	799	292	10903	13/12/2021	190.000	190.000	190.000	190.000	60.000								66.454	66.454	63.954	2.000	500				NS TP hỗ trợ thực hiện công tác CBĐT và GPMB	
2	I	7946728	799	292	10833	13/12/2021	6.277	6.277	6.277	6.277	6.277								5.000	5.000	4.000	1.000	0					
3	I	7946727	799	072	10834	13/12/2021	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000								3.250	3.250	2.500	750	0					
4	I	7946736	799	072	10835	13/12/2021	9.703	9.703	9.703	9.703	9.703								7.500	5.000	5.000	2.500	0					
5	I	7946725	799	072	10836	13/12/2021	5.945	5.945	5.945	5.945	5.945								4.750	4.750	3.500	1.250	0					
6	I	7945911	799	041	10837	13/12/2021	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000								5.240	5.240	5.240	0	0					
7	I	7947110	799	341	10839	13/12/2021	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300								1.500	1.500	1.500	0	0					
8	I	7946724	799	292	10840	13/12/2021	3.821	3.821	3.821	3.821	3.821								2.000	2.000	2.000	0	0					
9	I							55.000	55.000	55.000	55.000								7.000	4.000	3.000	0	0					
	8							144.848	144.848	144.848	144.848																	
1	I							10.000	10.000	10.000	10.000																	
2	I							66.640	66.640	66.640	66.640																	
3	I	7954738	799	312	10842	13/12/2021	13.564	13.564	13.564	13.564	13.564								7.000	7.000	4.000	3.000						
4	I							12.045	12.045	12.045	12.045																	
5	I							20.400	20.400	20.400	20.400																	
6	I							20.000	20.000	20.000	20.000																	
7	I							1.499	1.499	1.499	1.499																	



STT	Đanh mục dự án	Số công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2021							Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 sau điều chỉnh					Ghi chú			
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó				Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Tiền sử dụng đất	Ngân sách đối chi thường xuyên sang chi đầu tư	Phí Yên Tử, nguồn bảo vệ đất rừng lửa	Nguồn dự phòng ngân sách				
										NS TW, Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường			NS TW	NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường										
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=18+19	18	19=20+21+22+23+24	20	21	22	23	24	25	
8	Quy hoạch cấp đất ở xen cư tại tổ 5, khu 1, phường Trưng Vương	1						700	700		700																	
II	UBND các xã, phường làm Chủ đầu tư	28						33.026	33.026		33.026											18.710	15.464	3.246				
II.1	UBND phường Quang Trung	3						6.554	6.554		6.554											3.036	3.036					
1	Xây dựng nhà văn hóa khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161	10843	13/12/2021	2.960	2.960		2.960											1.100	1.100					
2	Xây dựng trường học quốc gia 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	312	10844	13/12/2021	2.537	2.537		2.537											1.000	1.000					
3	Mương thoát nước đoạn từ nhà ông Mặc ra ngã 3 Hồ Công Viên, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (giai đoạn I)	1	7171176	760	312	10845	13/12/2021	1.056	1.056		1.056											936	936				CT.ĐB PD QT và đất toàn	
II.2	UBND phường Thanh Sơn	4						3.109	3.109		3.109											1.450	1.450					
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	341	10846;	13/12/2021; 18/02/2022	1.916	1.916		1.916											800	800					
2	Rãnh thoát nước + Mái chống nóng nhà văn hóa khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	161	10847	13/12/2021	445	445		445											200	200					CT.ĐB PD QT
3	Nâng cấp, mở rộng đường vào nhà Văn hóa khu 7, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	161	10848;	13/12/2021; 18/02/2022	306	306		306											250	250					
4	Đường bê tông ngõ 50, phố Lý Thường Kiệt, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	292	10849	13/12/2021	442	442		442											200	200					CT.ĐB PD QT
II.3	UBND phường Yên Thanh	4						2.704	2.704		2.704											1.509	1.509					
1	Xây dựng rãnh thoát nước từ đường Trần Hưng Đạo (Ván phòng HTX Văn tại Đức Phúc) đến công Sông Sinh, khu 1 phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	7171182	760	312	10850;	13/12/2021; 13/02/2022	417	417		417											248	248					CT.ĐB PD QT và đất toàn
2	Nâng cấp đường bê tông, xây dựng rãnh thoát nước tổ 17, khu Bì Giang, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (Đoạn từ nhà ông Bùi Xuân Quyền đầu ngõ và dự án Tân Thành)	1	7171182	760	292	10851;	13/12/2021; 18/02/2022	1.091	1.091		1.091											450	450					
3	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 17-18 khu Bì Giang (đoạn từ nhà ông Phạm Văn Nghĩa đến nhà ông Trần Đình Hùng) phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	7171182	760	292	10852	13/12/2021	700	700		700											488	488					CT.ĐB PD QT chỉ tính là KPI vốn
4	Xây dựng rãnh thoát nước tổ 15 khu Lạc Thành	1	7171182	760	312	10853	13/12/2021	495	495		495											323	323					CT.ĐB PD QT và đất toàn
II.4	UBND phường Trưng Vương	5						3.161	3.161		3.161											2.666	2.666	0	600			
1	Lắp điện chiếu sáng, điện sinh hoạt đoạn từ công trình lên nhà văn hóa khu 4, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	312	10854	13/12/2021	549	549		549											519	519	0	0			CT.ĐB PD QT và đất toàn
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trưng Vương	1	7171335	760	341	10855;	13/12/2021; 18/02/2022	489	489		489											200	200	0	0			CT.ĐB PD QT







STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Số QĐ	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lay kế thực hiện đến 31/12/2021				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 sau điều chỉnh				Chi chú							
							Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Mã công	Trong đó			Tổng cộng	NS TW, Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường	Giá trị khối lượng	Tổng số	NSTW	NS Thành phố	NS Xã, phường		Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Tiền sử dụng đất	Nguồn cân đối chi thường xuyên sang chi đầu tư	Phi Yên Tử, nguồn bảo vệ đất trồng lúa	Nguồn dự phòng ngân sách	Nguồn dự phòng ngân sách
										Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư																	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=18+19	18	19=20+21+22+23+24	20	21	22	23	24	25		
D	KẾ HOẠCH VỐN BỔ TRÍ CHƯƠNG TRÌNH NHIỆM VỤ KHÁC	26						66.993	66.993	66.993	66.993	66.993	7.114	7.114			7.114		62.926	18	62.926	27.911	2.000		16.629	16.386			
I	Vốn bổ trợ thành toán cho dự án Quyết toán hoàn thành, chương trình nhiệm vụ khác	11						66.993	66.993	66.993	66.993	66.993	7.114	7.114			7.114		47.429		47.429	24.000	2.000		16.629	4.800			
10	BQLDA đầu tư xây dựng							65.848	65.848	65.848	65.848	65.848	7.114	7.114			7.114		46.629		46.629	23.200	2.000		16.629	4.800			
1	Hàng ký thuật cấp đất dân cư khu 4, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	71757468	799	312			3.250	3.250	3.250	3.250	3.250	3.114	3.114			3.114		32		32	32							
2	Khu dân cư đối Hàng Hùm phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	71757469	799	312			6.215	6.215	6.215	6.215	6.215	4.000	4.000			4.000		1.479		1.479	1.479							
3	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292	1363	16/3/2022	3.688	3.688	3.688	3.688	3.688							1.500		1.500	1.500							
4	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của Trung tâm tổ chức hội nghị Thành phố Uông Bí	1	7956930	799	341	8456	27/9/2021	1.894	1.894	1.894	1.894	1.894							1.767		1.767	1.767							CT.ĐB.PDQT
5	Hoàn trả vốn Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng đường sắt Phả Lại - Hà Long đoạn qua địa phận thành phố Uông Bí (Giới đoạn 1)	1						3.294	3.294	3.294	3.294	3.294							16.629		16.629				16.629				
6	Lập dựng chế độ kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tại Cầu Đá Bọc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7966739	799	139	4529a	22/8/2021	3.294	3.294	3.294	3.294	3.294							3.132		3.132	132				3.000			CT.ĐB.PDQT
7	Sửa chữa, cải tạo nhà chung cư 9 tầng thuộc Nhà máy Chế tạo thiết bị nặng Ia - Công ty cổ phần lắp đoàn công nghiệp Quang Trung làm điểm thu dụng các lý liệu trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn thành phố	1	7966740	799	139	761	10/02/2022	2.009	2.009	2.009	2.009	2.009							1.889		1.889	89				1.800			CT.ĐB.PDQT
8	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1				4371	20/6/2022	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000							9.000		9.000	9.000							
9	Chinh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7891498	799	312	4373	20/6/2022	14.999	14.999	14.999	14.999	14.999							7.500		7.500	5.500	2.000						
10	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	292	4372	20/6/2022	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500							3.700		3.700	3.700							
	UBND phường Vàng Danh	I						1.145	1.145	1.145	1.145	1.145							800		800	800							
I	Quy hoạch cấp đất ven cư phía Đông cầu Miếu Thán 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí; Hàng mục Đường điện, cấp nước sinh hoạt, vỉa hè, vườn hoa, sân thể thao	1	7171160	760	312	4496	23/6/2022	1.145	1.145	1.145	1.145	1.145							800		800	800							
II	Vốn bổ trợ hỗ trợ các xã, phường, thành toán các công trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020 chuyển sang																		3.911		3.911	3.911							
III	Vốn bổ trợ thực hiện đề án nhân rộng thành phố thông minh																		3.911		3.911	3.911							



STT	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn			Lấy kế thực hiện đến 31/12/2021			Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 sau điều chỉnh					Ghi chú							
				Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	NS TW, Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường	Giá trị khối lượng	Tổng số	NSTW	NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Xã, phường	Tổng cộng		Ngân sách Trung Ương, Tỉnh hỗ trợ	Ngân sách thành phố	Tiền sử dụng đất	Ngân sách dự chi	Phi Yên Tử, nguồn bảo vệ đất rừng lửa	Ngân sách đầu tư	Ngân sách dự phòng
A	B			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=18+19	18	20	21	22	23	24	25	
IV	Hoàn trả tiền sử dụng đất và giải phóng mặt bằng dự án khu biệt thự Sông Ưông tại phường Quang Trung và phường Trưng Vương, thành phố Ưông Bí																								
V	Vốn bổ trợ hỗ trợ các xã, phường thực hiện các công trình phòng chống ngập úng trong mùa mưa bão năm 2022, giải quyết kiến nghị cử tri, đảm bảo vệ sinh môi trường																		11.586						11.586 PB số 02



## BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH CHÍNH TRẠNG ĐÔ THỊ ĐÁ PHÂN BỐ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn chính trang đô thị năm 2022	Điều hòa		Kế hoạch vốn chính trang đô thị năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG CỘNG</b>			116.807,559	5.100,000	52.309,830	13.604,646	13.604,646	42.509,830	
A	<b>CÔNG TRÌNH ĐÁ THỰC HIỆN NĂM 2021 CHUYỂN SANG</b>			12.212,085	5.100,000	5.237,929	552,118	11,351	5.778,696	
I	<b>BQLDA đầu tư xây dựng</b>			12.212,085	5.100,000	5.237,929	552,118	11,351	5.778,696	
1	Đầu tư các hạng mục phục vụ khách tham quan, văn cảnh tại điểm du lịch Lũng Xanh, thành phố Uông Bí	686	05/3/2021	1.763,793	1.400,000	237,929		11,351	226,578	CT đã PDQT và tất toán
2	Chỉnh trang tuyến phố Nguyễn Du đoạn từ ngã 4 đến Quảng Trường 25-2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1087	22/12/2020	10.448,292	3.700,000	5.000,000	552,118		5.552,118	CT đã PDQT có nhu cầu vốn
B	<b>CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022</b>			104.595,474		47.071,901	13.052,528	13.593,295	36.731,134	
I	<b>BQLDA đầu tư xây dựng</b>			94.750,574		38.371,901	9.552,000	13.371,901	34.552,000	
1	Chỉnh trang tuyến đường hai bên kênh nước nóng Nhà máy điện đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Quyết Tiến, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	95	06/01/2022	14.750,574		10.000,000	1.800,000		11.800,000	CT đã hoàn thành có nhu cầu vốn
2	Thăm Alphan và điện chiếu sáng các tuyến đường nội thị có mặt đường từ 4,5m trở lên địa bàn thành phố Uông Bí	12348	31/12/2021	30.000,000		15.000,000	7.752,000		22.752,000	CT đã hoàn thành có nhu cầu vốn
3	Chỉnh trang tuyến đường Lũng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lũng Xanh, thành phố Uông Bí			50.000,000		13.371,901		13.371,901	0,000	CT dự kiến khởi công năm 2023
II	<b>UBND phường Nam Khê</b>			709,207		700,000		21,394	678,606	



STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn chính trang đô thị năm 2022	Điều hòa		Kế hoạch vốn chính trang đô thị năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Thảm asphalt tuyến đường tại tổ 10, khu Nam Trung, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	61	22/02/2022	709,207		700,000		21,394	678,606	CT đã PDQT và tất toán
III	UBND phường Quang Trung			1.695,693		1.000,000	500,528		1.500,528	
1	Xây dựng vỉa hè khu dân cư khu 5A, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	18510	26/5/2022	1.695,693		1.000,000	500,528		1.500,528	CT đã hoàn thành có nhu cầu vốn
IV	Phòng Quản lý đô thị			7.440,000	3.060,000	7.000,000	3.000,000	200,000	0,000	
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí	3437	5/24/2022	7.440,000	3.060,000	200,000		200,000	0,000	
2	Quy hoạch phân khu C thành phố Uông Bí	5071	7/25/2022	11.485,110		3.300,000	1.500,000		4.800,000	
3	Quy hoạch phân khu A thành phố Uông Bí	5070	7/25/2022	3.350,000		600,000	1.000,000		1.600,000	
4	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu F thành phố Uông Bí	5464	8/10/2022	4.754,180		1.500,000	500,000		2.000,000	
5	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu I thành phố Uông Bí	5462	8/10/2022	1.401,129		600,000			600,000	
6	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu K thành phố Uông Bí	5463	8/10/2022	2.125,827		800,000			800,000	



**KẾ HOẠCH VỐN CHÍNH TRANG ĐÔ THỊ NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND thành phố Uông Bí)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn chính trang đô thị năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>211.355,191</b>	<b>60.842,689</b>	<b>60.000,000</b>	
<b>A</b>	<b>CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2021 CHUYÊN SANG</b>			<b>73.318,271</b>	<b>60.842,689</b>	<b>8.468,866</b>	
<b>I</b>	<b>BQLDA đầu tư xây dựng</b>			<b>61.612,085</b>	<b>52.100,000</b>	<b>6.409,727</b>	
1	Chỉnh trang tuyến đường Trần Nhân Tông đoạn từ nút giao ngã 6 đến ngã 4 bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển	2940	05/3/2021	23.000,000	21.000,000	631,031	CT đã PDQT và tất toán
2	Đầu tư các hạng mục phục vụ khách tham quan, văn cảnh tại điểm du lịch Lặng Xanh, thành phố Uông Bí	686	05/3/2021	1.763,793	1.400,000	226,578	CT đã PDQT và tất toán
3	Chỉnh trang tuyến phố Nguyễn Du đoạn từ ngã 4 đến Quảng Trường 25-2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1087	22/12/2020	10.448,292	3.700,000	5.552,118	CT đã PDQT còn nhu cầu vốn
4	Chỉnh trang tuyến phố Trưng Vương đoạn từ cầu sông Uông đến ngã 3 quốc lộ 18	6535	22/12/2020	26.400,000	26.000,000	0,000	
<b>II</b>	<b>Phòng Quản lý đô thị</b>			<b>9.642,745</b>	<b>6.918,049</b>	<b>1.820,338</b>	
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị phía Đông thành phố (phân khu K) tại các phường: Quang Trung, Trưng Vương và Nam Khê, thành phố Uông Bí	4252	03/8/2018	4.488,951	3.360,000	705,973	CT đã PDQT và tất toán
2	QH phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị mới Trung tâm phía bắc thành phố (phân khu H) tại Thanh sơn, Yên Thanh, Quang Trung và Bắc sơn	4258	03/8/2018	5.153,794	3.558,049	1.114,365	CT đã PDQT và tất toán
<b>III</b>	<b>VP HĐND&amp;UBND Thành phố</b>			<b>2.063,441</b>	<b>1.824,640</b>	<b>238,801</b>	
1	Sửa chữa thay thế một số cửa của các phòng làm việc, phòng họp, phòng khách của UBND Thành phố	7632a	05/12/2018	2.063,441	1.824,640	238,801	CT đã PDQT và tất toán
<b>B</b>	<b>CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022</b>			<b>138.036,920</b>		<b>51.531,134</b>	
<b>I</b>	<b>BQLDA đầu tư xây dựng</b>			<b>105.075,774</b>		<b>39.552,000</b>	
1	Chỉnh trang tuyến đường hai bên kênh nước nông Nhà máy điện đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Quyết Tiến, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	95	06/01/2022	14.750,574		11.800,000	
2	Thảm Alphan và điện chiếu sáng các tuyến đường nội thị có mặt đường từ 4,5m trở lên địa bàn thành phố Uông Bí	12348	31/12/2021	30.000,000		22.752,000	
3	Chỉnh trang tuyến đường Trần Phú đoạn từ ngã tư Trần Phú - Lặng Xanh đến cầu Trung Đoàn, thành phố Uông Bí	5208	27/7/2022	10.325,200		5.000,000	
4	Chỉnh trang tuyến đường Lặng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lặng Xanh, thành phố Uông Bí			50.000,000		0,000	
<b>II</b>	<b>UBND phường Nam Khê</b>			<b>709,207</b>		<b>678,606</b>	



STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đã bố trí đến 31/12/2021	Kế hoạch vốn chính trang đô thị năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Thảm asphalt tuyến đường tại tổ 10, khu Nam Trung, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	61	22/02/2022	709,207		678,606	CT đã PDQT và tất toán
<b>III</b>	<b>UBND phường Quang Trung</b>			<b>1.695,693</b>		<b>1.500,528</b>	
1	Xây dựng vỉa hè khu dân cư khu 5A, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	18510	26/5/2022	1.695,693		1.500,528	CT đã hoàn thành còn nhu cầu vốn
<b>IV</b>	<b>Phòng Quản lý đô thị</b>			<b>30.556,246</b>	<b>3.060,000</b>	<b>9.800,000</b>	
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí	3437	5/24/2022	7.440,000	3.060,000	0,000	
2	Quy hoạch phân khu C thành phố Uông Bí	5071	7/25/2022	11.485,110		4.800,000	
3	Quy hoạch phân khu A thành phố Uông Bí	5070	7/25/2022	3.350,000		1.600,000	
4	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu F thành phố Uông Bí	5464	8/10/2022	4.754,180		2.000,000	
5	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu I thành phố Uông Bí	5462	8/10/2022	1.401,129		600,000	
6	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu K thành phố Uông Bí	5463	8/10/2022	2.125,827		800,000	



Số: 83 /NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư các đồ án quy hoạch đã được  
HĐND thành phố phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/7/2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 09**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/7/2021 của HĐND thành phố “Về thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí đến năm 2030, tầm nhìn 2050 và điều chỉnh, lập mới một số đồ án Quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố Uông Bí”;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 420/TTr-UBND ngày 10/11/2022 “Về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư các đồ án quy hoạch đã được HĐND thành phố phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/7/2021”; Báo cáo thẩm tra số 476/BC-HĐND ngày 12/11/2022 của Ban Kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư các đồ án quy hoạch đã được HĐND thành phố phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/7/2021 như sau:

1. Tổng mức đầu tư các đồ án quy hoạch: 30,11 tỷ đồng; trong đó: (1) Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí: 7,44 tỷ đồng; (2) Quy hoạch phân khu C: 12,19 tỷ đồng; (3) Quy hoạch phân khu A: 1,84 tỷ đồng; (4) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu F: 4,87 tỷ đồng; (5) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu I: 1,59 tỷ đồng; (6) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu K: 2,16 tỷ đồng.

2. Nội dung điều chỉnh

2.1. Điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư 05 đồ án quy hoạch với số tiền: 1,861 tỷ đồng, bao gồm:

- Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí: 0,785 tỷ đồng;
- Quy hoạch phân khu C: 0,74 tỷ đồng;



- Quy hoạch phân khu F: 0,116 tỷ đồng;
- Quy hoạch phân khu I: 0,19 tỷ đồng;
- Quy hoạch phân khu K: 0,03 tỷ đồng;

2.2. Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư đồ án Quy hoạch phân khu A: 1,51 tỷ đồng;

2.3. Lí do điều chỉnh

- Nhiệm vụ quy hoạch được các cấp thông qua có sự thay đổi về diện tích, ranh giới, bổ sung nội dung nghiên cứu quy hoạch dẫn đến thay đổi giá trị thực hiện các đồ án quy hoạch;

- Việc điều chỉnh tổng mức đầu tư thực hiện các đồ án quy hoạch phù hợp với dự toán đã được phê duyệt làm cơ sở để bố trí nguồn vốn thanh toán chi phí lập quy hoạch đảm bảo quy định.

3. Tổng mức đầu tư các đồ án quy hoạch sau khi điều chỉnh: 29,771 tỷ đồng; trong đó: (1) Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí: 6,65 tỷ đồng; (2) Quy hoạch phân khu C: 11,48 tỷ đồng; (3) Quy hoạch phân khu A: 3,35 tỷ đồng; (4) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu F: 4,75 tỷ đồng; (5) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu I: 1,4 tỷ đồng; (6) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu K: 2,13 tỷ đồng;

4. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/7/2021 của HĐND thành phố.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu; quản lý chặt chẽ kinh phí đầu tư cho các đồ án, đảm bảo việc sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí.

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ và có giải pháp kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo các đồ án triển khai đúng tiến độ. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

2. Thường trực, các Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 09 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND tỉnh (để BC);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**  
**Nghiêm Xuân Cường**



Số: 85/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 14 tháng 11 năm 2022

### NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khắc phục sạt lở kè bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến cống 5 cửa, khu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 09

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;*

*Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 417a/TTr-UBND ngày 10/11/2022 “Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án”; Báo cáo thẩm tra số 483/BC-HĐND ngày 12/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khắc phục sạt lở kè bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến cống 5 cửa, khu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí với những nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Khắc phục sạt lở kè bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến cống 5 cửa, khu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí để đảm bảo an toàn cho bờ kênh, tránh tác động đến tổng thể cả tuyến kè bờ phải.

2. Quy mô đầu tư

- Phá dỡ kè hiện trạng đoạn bị sạt lở;  
- Xây dựng mới đoạn kè bờ phải kênh có chiều dài khoảng 92,0m với các thông số như sau:

+ Hình thức tường kè: Tường bản góc có sườn chống.

+ Cao độ đỉnh tường kè: Giữ nguyên theo cao độ kè hiện trạng.

+ Kết cấu bằng BTCT M300 đá 2x4, bê tông lót M100 đá 2x4 dày 10cm.



+ Kích thước mặt cắt tường kè: Bản tường cao 4,0m; dày 0,5m; bản móng rộng 3,0m; dày 0,5m đặt trên hệ móng ép cọc BTCT.

3. Dự án nhóm: C.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến không quá: 4,5 tỷ đồng; kế hoạch bố trí vốn năm 2022: 3,0 tỷ đồng, năm 2023: phần còn lại..

5. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Phương Nam, thành phố Uông Bí.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2022 và năm 2023.

8. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố.

9. Tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu; quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư dự án, đảm bảo việc sử dụng vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ và có giải pháp kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đưa dự án công trình vào sử dụng đúng tiến độ nhằm phát huy hiệu quả sau đầu tư. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực, các Ban, các tổ và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 09 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nghiêm Xuân Cường**



Số: 86 /NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 09**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND thành phố “Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố”;*

*Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 417/TTr-UBND ngày 10/11/2022 “Về việc Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”; Báo cáo thẩm tra số 484/BC-HĐND ngày 12/11/2022 của Ban Kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

1.1. Bổ sung công trình: Khắc phục sạt lở kè bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến công 5 cửa, khu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025.

- Tổng giá trị đầu tư dự kiến: Không quá 4,5 tỷ đồng;

- Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 3,0 tỷ đồng; ngân sách thành phố: 1,5 tỷ đồng từ nguồn kế hoạch chưa phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Lí do bổ sung: Khắc phục hậu quả do mưa lũ.



1.2. Bổ sung 103,386 tỷ đồng từ nguồn kế hoạch chưa phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho công trình Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí. Kế hoạch vốn của dự án sau bổ sung là: 159,758 tỷ đồng.

- Lí do bổ sung kế hoạch vốn: Tổng mức đầu tư dự án tăng do vậy tăng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn để không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình thực hiện.

2. Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ: 305,465 tỷ đồng.

3. Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND thành phố "Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố".

## **Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:**

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Quá trình triển khai, UBND thành phố tiếp tục rà soát chặt chẽ nhu cầu đầu tư theo thứ tự ưu tiên cho các công trình hoàn thành, chuyển tiếp, các dự án trọng điểm, dự án động lực có tầm ảnh hưởng lớn; xác định phân kỳ đầu tư cho phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, hạn chế tối đa tình trạng kéo dài dự án sang giai đoạn sau do không cân đối được nguồn lực; kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài, lãng phí nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực và vai trò dẫn dắt của đầu tư công.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 09 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.



**Nghiêm Xuân Cường**



Số: 87/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chủ trương sử dụng ngân sách thành phố cấp bổ sung cho  
Ban quản lý Di tích & Rừng Quốc gia Yên Tử**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 09**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2022”; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố “Về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2022”;*

*Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 403/TTr-UBND ngày 03/11/2022 về việc bổ sung kinh phí ngân sách nhà nước cấp do điều chỉnh phương án tự chủ năm 2022 đối với Ban quản lý Di tích & Rừng Quốc gia Yên Tử; Báo cáo thẩm tra số 486/BC-HĐND ngày 12/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố; Ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đồng ý chủ trương Ủy ban nhân dân thành phố sử dụng ngân sách thành phố (từ nguồn dự phòng ngân sách thành phố năm 2022) để cấp bổ sung cho Ban quản lý Di tích & Rừng Quốc gia Yên Tử do điều chỉnh phương án tự chủ năm 2022.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân thành phố giao:

- Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của số liệu. Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách đảm bảo sử dụng ngân sách tiết



kiệm, hiệu quả, đúng quy định, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

- Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu HĐND thành phố có trách nhiệm giám sát thực hiện Nghị quyết;

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí khoá XX thông qua tại kỳ họp thứ 09 ngày 14/11/2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- TT Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các Ban HĐND; Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Xuân Cường**



Số: 88./NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 14 tháng 11 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung danh mục công trình thực hiện chuẩn bị đầu tư năm 2022, phục vụ lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 và giai đoạn 2023-2025

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 09

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND, ngày 22/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố V/v dự kiến danh mục công trình thực hiện chuẩn bị đầu tư năm 2022, phục vụ lập kế hoạch đầu tư năm 2023;

Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 419/TTr-UBND ngày 10/11/2022 “Về việc phê duyệt danh mục công trình chuẩn bị đầu tư phục vụ xây dựng kế hoạch đầu tư giai đoạn 2023-2025”; Báo cáo thẩm tra số 475/BC-HĐND ngày 12/11/2022 của Ban Kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Đồng ý chủ trương bổ sung 15 dự án vào danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2022 phục vụ xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 với giá trị khái toán 202,25 tỷ đồng (Chi tiết có phụ biểu kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và trình HĐND thành phố quyết định chủ trương đầu tư các công trình cụ thể theo phân kỳ đầu tư và khả năng cân đối nguồn vốn.

2. Thường trực, các Ban, các Tổ và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 09 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

#### Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH  
  
Nguyễn Xuân Cường



**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHẮC PHỤC HẬU QUẢ DO MƯA LŨ  
VÀ CÔNG TRÌNH ĐIỂM NHẤN, CHỈNH TRANG MỘT SỐ TUYẾN PHỐ CHÍNH,  
TRUNG TÂM CÁC XÃ, PHƯỜNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của UBND thành phố Uông Bí)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>202.250</b>	
<b>I</b>	<b>Công trình khắc phục hậu quả do mưa lũ</b>	<b>72.100</b>	
1	Đường vào xóm Mát Ròng thuộc tổ 17b, khu 5A phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1.200	
2	Sửa chữa, nâng cấp Cống Đồng Mây phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	200	
3	Xử lý điểm ngập úng tại Tổ 12B, Tổ 13A, Khu 4 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1.200	
4	Đường bê tông rãnh thoát nước tổ 2 khu 1 phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	2.500	
5	Kè đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Làn Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1.500	
6	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	3.000	
7	Sửa chữa, nâng cấp Cống đằm Núi Rùa phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	200	
8	Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	9.000	
9	Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 2 phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	23.000	TP đã có Tờ trình số 351 ngày 29/9/2022 báo cáo và đề nghị Tỉnh hỗ trợ vốn thực hiện
10	Xử lý sạt lở tại tuyến đường từ cầu Bắc Sơn đến cầu Vành Lược, thành phố Uông Bí	20.500	TP đã có Tờ trình số 351 ngày 29/9/2022 báo cáo và đề nghị Tỉnh hỗ trợ vốn thực hiện
11	Cải tạo, nâng cấp hồ Baza phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	9.800	
<b>II</b>	<b>Công trình điểm nhấn, chỉnh trang một số tuyến phố chính, trung tâm các xã, phường</b>	<b>130.150</b>	
1	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	65.000	



STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến	Ghi chú
2	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	60.000	
3	Chỉnh trang đô thị tại khu vực đồi Đình Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn	4.000	
4	Chỉnh trang tuyến đường vào Chi cục thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên	1.150	



**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Đề án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng  
thành phố Uông Bí đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 09**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Quy hoạch đô thị đã được hợp nhất tại Văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội; Luật Xây dựng năm 2014; Luật Xây dựng đã được hợp nhất tại Văn bản số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 23/6/2020 của Đại hội Đảng bộ thành phố Uông Bí lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 16/12/2021 của Thành ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 và chủ đề công tác năm 2022 của thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí đến năm 2030, tầm nhìn 2050;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 426/TTr-UBND ngày 11/11/2022 Về việc thông qua Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 485/BC-HĐND ngày 12/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 479/BC-HĐND ngày 12/11/2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành các nội dung của Đề án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 theo Tờ trình số 426/TTr-UBND ngày 11/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố.

*(Có Đề án Quy hoạch kèm theo)*



**Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục tiếp thu ý kiến của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan để hoàn thiện Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo tổ chức thực hiện các thủ tục liên quan để trình phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực, các Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XX, Kỳ họp thứ 09 thông qua ngày 14/11/2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND Tỉnh (BC);
- Sở Xây dựng;
- TT Thành ủy; TT HĐND, UBND TP;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố;
- HĐND - UBND các xã, phường;
- Lưu.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Cường**